TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/ 2022/ DS - ST
Ngày: 16 – 02 – 2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Toàn;

2. Ông Quách Tử Điệc;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: Ông Trần Long Châu – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975 – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất T

Địa chỉ: số 18 đường V, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: số 68, Quốc lộ 57, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thanh T là chị Nguyễn Anh T1, sinh năm 1988; địa chỉ: số 23/3 đường T, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 10/5/2021 tại Văn phòng Công chứng Q)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Thanh Mỹ 1, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Anh T1 trình bày:

Chị T là chủ cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng và trang trí nối thất T. Năm 2019 anh Nguyễn Thanh T2 là thầu xây dựng có mua vật liệu xây dựng của chị T nhiều lần và còn nợ lại của chị số tiền 43.956.000đ, cụ thể như sau:

- Ngày 02/7/2019 mua 2,5m^3 cát cồn giá tiền 110.000đ/m^3 = 275.000đ
- Ngày 09/7/2019:
Sắt phi 14 gồm 18 cây giá 200.000đ/cây = 3.600.000đ
Sắt phi 12 gồm 30 cây giá 150.000đ/cây = 4.500.000đ
Sắt phi 10 gồm 10 cây giá 96.000đ/cây = 960.000đ
Sắt phi 8 gồm 48,5kg giá 15.200đ/kg= 737.320đ
Sắt phi 6 gồm 46,5kg giá 15.200đ/kg= 706.800đ
Dây dẻo 10kg x 20.000đ/kg = 200.000đ
Đá ½ gồm 05 xe giá 320.000đ/xe = 1.600.000đ
Đá 4/6 gồm 02 xe giá 300.000đ/xe = 600.000đ
Cát xây 2,5m^3 x 160.000đ =400.000đ
- Ngày 11/7/2019:
Sắt phi 8 gồm 105kg giá 15.200đ/kg= 1.596.000đ
Sắt phi 10 gồm 30 cây giá 69.300/cây = 2.080.000đ
- Ngày 12/7/2019:
Đá ½ gồm 01 xe giá 320.000đ/xe = 320.000đ
Tổng cộng 19.475.000đ
Ngày 09/11/2019:
Sắt phi 10 gồm 30 cây giá 83.000/cây = 2.490.000đ
Sắt phi 12 gồm 18 cây giá 130.000/cây = 2.340.000đ
Dây dẻo 10kg giá 19.000đ/cây = 190.000đ
Tổng cộng 5.020.000đ
- Ngày 11/11/2019:
Xi măng 20 bao giá 79.000đ/bao = 1.580.000đ
Đá 4/6 gồm 02 xe giá 300.000đ/xe = 600.000đ
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Đá ½ gồm 02 xe giá 320.000đ/xe = 640.000đ
Tổng cộng 3.140.000đ
- Ngày 14/11/2019:
Cát xây 03 xe giá 160.000đ/xe = 480.000đ
Đá ½ gồm 04 xe giá 320.000đ/xe = 1.280.000đ
Đinh 05 phân gồm 05kg giá 20.000đ/kg = 100.000đ
Xi măng 20 bao giá 79.000đ/bao = 1.580.000đ
Tổng cộng 3.440.000đ
- Ngày 15/11/2019:

Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Đá ½ gồm 02 xe giá 320.000đ/xe = 640.000đ
Tổng cộng 960.000đ
- Ngày 16/11/2019:
Gạch ống 2.000 viên giá 950đ/viên = 1.900.000đ
- Ngày 20/11/2019:
Xi măng tường 20 bao giá 72.000đ/bao = 1.440.000đ
Sắt phi 12 gồm 03 cây giá 130.000đ/cây 390.000đ
Sắt phi 6 gồm 25kg giá 14.000đ/kg =350.000đ
Tổng cộng 2.180.000đ
- Ngày 21/11/2019:
Gạch ống 2.000 viên giá 950đ/viên = 1.900.000đ
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Tổng cộng 2.220.000đ
- Ngày 23/11/2019:
Gạch ống 2.000 viên giá 950đ/viên = 1.900.000đ
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Tổng cộng 2.220.000đ
- Ngày 24/11/2019:
Cát cồn 2,5m^3 x 110.000đ/m^3 = 275.000đ
- Ngày 25/11/2019:
Cát xây 01 xe giá 160.000đ/xe = 160.000đ
Sắt phi 8 gồm 21kg giá 14.000đ/kg= 294.000đ
Tổng cộng 454.000đ
- Ngày 27/11/2019:
Cát cồn 53,5m^3 x 110.000đ/m^3 = 5.885.000đ
- Ngày 28/11/2019:
Cát xây 01 xe giá 160.000đ/xe = 160.000đ
Gạch ống 2.000 viên giá 950đ/viên = 1.900.000đ
Tổng cộng 2.060.000đ
- Ngày 29/11/2019:
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Xi măng 20 bao giá 72.000đ/bao = 1.440.000đ
Tổng cộng 1.760.000đ
- Ngày 02/12/2019:
Gạch ống 1.000 viên giá 950đ/viên = 950.000đ
- Ngày 03/12/2019:
Đai sắt 20kg giá 15.000đ/kg = 300.000đ
Sắt phi 12 gồm 02 cây giá 130.000đ/cây = 260.000đ
Sắt phi 10 gồm 14 cây giá 83.000/cây = 1.162.000đ
Sắt phi 8 gồm 40,5kg giá 14.000đ/kg = 567.000đ

Đá ½ gồm 01 xe giá 320.000đ/xe = 320.000đ
Tổng cộng 2.610.000đ
- Ngày 04/12/2019:
Sắt phi 4 gồm 81kg giá 14.000đ/kg = 1.174.500đ
Dây dẻo 05kg giá 19.000đ = 95.000đ
Cát xây 01 xe 160.000đ
Sắt 8 gồm 33kg giá 14.000đ/kg = 462.000đ
Đai sắt 18kg giá 16.000đ/kg = 288.000đ
Tổng cộng 2.179.500đ
- Ngày 06/12/2019:
Đá ½ gồm 04 xe giá 320.000đ/xe = 1.280.000đ
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Xi măng 20 bao giá 72.000đ/bao = 1.440.000đ
Tổng cộng 3.040.000đ
- Ngày 07/12/2019:
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Xi măng 20 bao giá 72.000đ/bao = 1.440.000đ
Đá kiếng 02 viên giá 45.000đ/viên = 90.000đ
Tổng cộng 1.850.000đ
- Ngày 09/12/2019:
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Gạch ống 2.000 viên giá 950đ/viên = 1.900.000đ
Tổng cộng 2.220.000đ
- Ngày 10/12/2019:
Gạch ống 3.000 viên giá 950đ/viên = 2.850.000đ
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Xi măng 20 bao giá 72.000đ/bao = 1.440.000đ
Tổng cộng 4.610.000đ
- Ngày 11/12/2019:
Cát xây 01 xe giá 160.000đ/xe = 160.000đ
Sắt phi 6 gồm 21kg giá 14.000đ/kg = 294.000đ
Tổng cộng 454.000đ
- Ngày 12/12/2019:
Gạch ống 2.000 viên giá 950đ/viên = 1.900.000đ
- Ngày 13/12/2019:
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
Xi măng 20 bao giá 72.000đ/bao = 1.440.000đ
Tổng cộng 1.760.000đ
- Ngày 14/12/2019:
Cát xây 02 xe giá 160.000đ/xe = 320.000đ
- Ngày 25/12/2019:

Xi măng 07 bao giá 72.000đ/bao = 504.000đ

Gạch men 5.570.000đ.

Tổng cộng từ ngày 09/7/2019 đến ngày 25/12/2019 anh T2 mua tổng số tiền là 78.956.000đ.

Ngày 12/82019 anh T2 trả 4.000.000đ

Ngày 09/11/2019 trả 6.000.000đ

Ngày 20/11/2019 trả 5.000.000đ

Ngày 03/12/2019 trả 10.000.000đ

Ngày 19/12/2019 trả 10.000.000đ

Tổng cộng anh T2 trả được 35.000.000đ, Còn lại 43.956.000đ anh T2 không trả

Việc mua bán không có ký kết hợp đồng, chị ghi sổ theo dõi, mỗi lần mua hàng có lúc thì anh T2 ký nhận, lúc thì người làm công cho anh T2 ký nhận, không chốt nợ, không có biên nhận nợ

Số tiền anh T2 còn nợ là 43.956.000đ chị đến nhà đòi nhiều lần, nhưng anh T2 cố tình tìm cách né tránh, không chịu trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh T2 trả tiền vốn 42.056.000đ, tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/02/2022 bằng 25 tháng (làm tròn), mức lãi 0,83%/tháng = 8.726.000đ. tổng cộng vốn và lãi là: 50.782.000đ (năm mươi triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng)

- Tại bản khai ngày 21/6/2021 anh Nguyễn Thanh T2 trình bày: từ trước đến nay anh không có nợ tiền mua vật liệu xây dựng cũng như không có nợ bất cứ khoản tiền nào khác của chị T, chứng cứ của chị T cung cấp không phải là chữ ký của anh nên anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2021 anh T2 trình bày: Anh nhận xây nhà cho người khác và lấy tiền công của chủ nhà, anh giới thiệu chủ nhà mua vật liệu xây dựng của chị T nhưng anh không nhớ rõ đã từng giới thiệu những ai. Anh khẳng định không có làm nhà cho bà Lê Thị Mỹ K, anh không có mua vật liệu xây dựng của chị T. Chữ ký trong 02 cuốn sổ do chị T cung cấp không phải của anh. Anh không đồng ý theo yêu cầu của chị T. Anh T2 vắng mặt nhiều lần không lý do

* Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 440, 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh T2 trả số tiền 50.782.000đ bao gồm 42.056.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và 8.726.000 đồng tiền lãi.

- Về án phí: buộc bị đơn Nguyễn Thanh T2 phải chịu 2.539.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T yêu cầu anh T2 trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 43.956.000đ. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; anh Nguyễn Thanh T2 có địa chỉ ấp Thanh Mỹ 1, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đó là yêu cầu anh T2 trả cho chị T số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là: 42.056.000đ. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Tuy trước đó anh T2 có văn bản trình bày ý kiến xin được xét xử vắng mặt nhưng Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Thanh T2 trả tiền vốn 42.056.000đ

Xét lời trình bày của nguyên đơn là trong quá trình mua bán giữa nguyên đơn với bị đơn không có làm hợp đồng mà chỉ ghi sổ theo dõi, mỗi lần mua hàng có lúc thì anh T2 ký nhận, lúc thì người làm công cho anh T2 ký nhận, không chốt nợ, không có biên nhận nợ. Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 02 quyển sổ tay (A T2 cv, Cò T2 R) có thể hiện chủng loại, số lượng vật liệu xây dựng đã giao và số tiền anh T2 còn thiếu phù hợp với lời trình bày chị T và những người làm chứng, về phía bị đơn anh T2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T và cho rằng các chứng cứ do chị T cung cấp không phải là chữ ký của anh và

từ trước đến nay anh không có làm nhà cho bà Lê Thị Mỹ K nên không có việc yêu cầu chị T chở vật liệu cho bà K. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 18/11/2021 đối với bà Lê Thị Mỹ K; các biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21/10/2021, 01/12/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Trần Bá D, anh Đỗ Quang M, anh Nguyễn Quốc C đều trình bày có chở vật liệu xây dựng cho anh T2, chữ ký tên trong 02 quyển sổ có lúc do anh T2 ký, có lúc do người làm công của anh T2 ký. Riêng bà K trình bày bà có xây nhà và giao khoán nhà cho anh T2 làm, giá trị xây dựng khoản từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, khi giao khoán thì không có ký hợp đồng xây dựng chỉ viết giấy tay nhưng đã thất lạc. Do đó lời trình bày của anh T2 là không đúng với thực tế.

Ngoài ra, anh T2 không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, phía anh T2 không thừa nhận chữ ký trong 02 quyển sổ do nguyên đơn cung cấp nhưng không yêu cầu tòa án trưng cầu giám định cũng như từ chối cung cấp mẫu chữ ký phục vụ công tác trưng cầu giám định và xin không tham gia đối chất. Như vậy xem như anh T2 đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về Nghĩa vụ chứng minh quy định:

1. …

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Do đó yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu lãi suất:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu anh T2 có trách nhiệm thanh toán cho chị T tiền lãi suất trên số tiền mua vật liệu xây dựng nợ là 42.056.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25 tháng (làm tròn) bằng số tiền: 8.726.000đ

Tại Điều Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền quy định:

1. ...

2. ...

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Do anh T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền mua vật tư xây dựng cho chị T nên anh phải chịu tiền lãi suất phát sinh trên số tiền chậm trả là 42.056.000 đồng, tuy nhiên do chị T và anh T2 không có thỏa thuận lãi suất trong trường hợp chậm trả nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 BLDS lãi suất trong trường hợp này là 0,83%/tháng x 42.056.000 đồng x 25 tháng = 8.726.000 đồng, do đó yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T. Buộc anh Nguyễn Thanh T2 có trách nhiệm thanh toán co chị T số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 42.056.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ là 8.726.000đ. Tổng cộng là: 50.782.000đ (năm mươi triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng)

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh Nguyễn Thanh T2 nộp 5% x 50.782.000đ = 2.539.000đ (Hai triệu năm trăm ba mươi chín ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T

Buộc anh Nguyễn Thanh T2 có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 42.056.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ là 8.726.000đ. Tổng cộng là: 50.782.000đ (Năm mươi triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc anh Nguyễn Thanh T2 nộp 2.539.000đ (Hai triệu năm trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

2.2/ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.318.000đ (Một triệu ba trăm mười tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006722 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Diện